

# CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH 2367/QĐ-UBND NGÀY 08/6/2020 VÀ CHUYỂN GIAO SẢN PHẨM DỰ ÁN “ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ VÀ KHOANH ĐỊNH KHU VỰC PHẢI ĐĂNG KÝ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH”

■ Nguyễn Thị Đoàn Diễm<sup>1</sup>

**N**guồn tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh tuy được đánh giá là khá phong phú song phân bố không đồng đều theo không gian và thời gian nên còn hạn chế trong việc đáp ứng nhu cầu cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là sản xuất và sinh hoạt. Các nguồn nước đang có dấu hiệu suy thoái do ô nhiễm (từ các hoạt động xả thải), cạn kiệt (do hoạt động khai thác quá mức) và xâm nhập mặn (do yếu tố tự nhiên, con người và biến đổi khí hậu).

Bên cạnh đó, hiện nay tỉnh Trà Vinh chưa có cơ sở dữ liệu điều tra cơ bản về tài nguyên nước dưới đất làm cơ sở khoa học cho việc khoanh định khu vực hạn chế, khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất, góp phần phục vụ tốt cho công tác quản lý hoạt động khai thác, sử dụng hiệu quả.

Triển khai thực hiện Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ Quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất; Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài

nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước. Thời gian qua, được sự hỗ trợ về kinh phí của Quỹ Phát triển nông nghiệp quốc tế (IFAD) thông qua Ban điều phối dự án AMD Trà Vinh, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp cùng Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Nam (đơn vị tư vấn) thực hiện dự án “Điều tra, đánh giá và khoanh định khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh”.

Mục tiêu của dự án là điều tra, đánh giá nguồn nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; tiến hành khoanh định khu vực hạn chế và khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất một cách bền vững.

Qua quá trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao và đúng hướng dẫn tại



Quang cảnh hội nghị. Ảnh: Đoàn Diễm

1 - Phòng Quản lý Tài nguyên và Biển

Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ và Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đến ngày 08/6/2020, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2367/QĐ-UBND về việc phê duyệt “Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất” và “Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh”.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai Kế hoạch số 35/KH-STN-MT ngày 18/6/2020 về việc tổ chức Hội nghị công bố Quyết định 2367/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 và chuyển giao sản phẩm dự án “Điều tra, đánh giá và khoanh định khu vực phải ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh”.

Sáng ngày 26/6/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Nam (đơn vị tư vấn) tổ chức Hội nghị Công bố Quyết định 2367/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 và chuyển giao sản phẩm dự án “Điều tra, đánh giá và khoanh định khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh” tại Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thành phố Trà Vinh. Ông Trương Văn Hòn, Phó Giám đốc Sở, chủ trì Hội nghị cùng với sự tham dự của đại diện lãnh Ban điều phối Dự án AMD Trà Vinh; đại diện các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Xây dựng, Y tế, Khoa học và Công nghệ; đại diện lãnh đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố; đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố; đại diện lãnh

đạo UBND và Cán bộ phụ trách tài nguyên và môi trường các xã, phường, thị trấn; Đài Phát thanh truyền hình Trà Vinh đến dự và đưa tin.

Hội nghị đã thông qua Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất và Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Đồng thời, kết hợp hướng dẫn quy trình, thủ tục tổ chức đăng ký khai thác nước dưới đất và quy trình, thủ tục tổ chức thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất đến toàn thể quý vị đại biểu. Qua đó, các đại biểu nghiêm túc tiếp thu nội dung Quyết định số 2367/QĐ-UBND, tham gia trao đổi ý kiến về các quy trình, thủ tục liên quan, tùy theo lĩnh vực quản lý ngành và tình hình thực tế của địa phương để triển khai thực hiện đúng quy định về tài nguyên nước.

Kết thúc Hội nghị, ông Trương Văn Hòn, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đã cảm ơn và đánh giá cao sự phối hợp của các sở, ban, ngành và địa phương trong việc tổ chức thực hiện công tác quản lý hoạt động thăm dò, khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua. Đồng thời, mong muốn quý vị đại biểu tùy theo chức năng nhiệm vụ và tình hình thực tế của địa phương triển khai thực hiện hoặc phối hợp thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh để góp phần quản lý bền vững nguồn tài nguyên nước dưới đất tỉnh Trà Vinh.

## HƯỚNG DẪN TRÌNH TỰ, THỦ TỤC NỘP TIỀN BẢO VỆ ĐẤT TRỒNG LÚA ... (Tiếp theo trang 5)

cứ vào văn bản xác nhận diện tích chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường, xác định số tiền phải nộp theo quy định đối với diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp và thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo mẫu Phụ lục VI, ban hành kèm theo Nghị định số

62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ.

- Trường hợp quá thời hạn nộp theo Thông báo của Sở Tài chính, Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện: Cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất sẽ phải nộp thêm tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

(Nguồn: Công văn số 511/STC-NS ngày 04/3/2020 của Sở Tài chính).

# CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN TIỂU CẦN HẾT LÒNG PHỤC VỤ NHÂN DÂN

■ Lê Thị Bé Phi <sup>1</sup>

**T**hực hiện tốt Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính Phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, tại Bộ phận tiếp nhận và hoàn trả kết quả của HĐND và UBND huyện Tiểu Cần, mặc dù số lượt người sử dụng đất đến nộp hồ sơ về lĩnh vực đất đai rất đông nhưng đội ngũ nhân viên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiểu Cần luôn vui vẻ đón tiếp, có thái độ lịch sự, hòa nhã, thân thiện, không gây phiền hà, hách dịch hay những nhiễu, những vấn đề người sử dụng đất chưa hiểu, chưa rõ đều được nhân viên Chi nhánh nhiệt tình hướng dẫn, giải thích rõ ràng, cụ thể. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện để thực hiện, khi trả lại cho người sử dụng đất đều có văn bản hướng dẫn đầy đủ nội dung cần điều chỉnh, bổ sung. Chính thái độ phục vụ niềm nở ấy đã mang lại sự hài lòng của nhân dân đối với nhân viên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiểu Cần.

Sau những giờ làm việc đầy nỗ lực, ngày nghỉ cuối tuần nhân viên Chi nhánh Văn phòng đăng

ký đất đai huyện Tiểu Cần lại hăng hái tham gia các phong trào đoàn thể, phối hợp với xã đoàn xã Tập Ngãi phát tờ rơi hướng dẫn nhân dân hiểu rõ về dịch bệnh Covid-19 và cách phòng bệnh hiệu quả, tham gia nhặt rác thải, phát hoang bụi rậm, trồng cây xanh các tuyến đường nông thôn theo Kế hoạch số 56/KH-UBND, ngày 24/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần về việc “Tăng cường Chỉ thị số 15-CT/TU, ngày 28/12/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, xây dựng các tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp gắn trách nhiệm đối với cán bộ công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn huyện Tiểu Cần”.

Tiếp tục thực hiện kế hoạch số 125-KH/ĐTĐN ngày 25/2/2020 của ban thường vụ Huyện đoàn, đoàn viên thanh niên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiểu Cần tiếp tục đồng hành cùng Chi đoàn Khối cơ quan Tiểu Cần, BCH xã đoàn, Ban nhân dân ấp Cầu Tre, xã Phú cần nấu “Bữa cơm yêu thương” cho 20 cụ già có hoàn cảnh khó khăn, neo đơn trên địa bàn ấp. Hoạt động đã trao tặng 20 thùng mì, 20 tấm chăn và tiền mặt 100.000 đồng/cụ.



Các hoạt động của đoàn thanh niên chi nhánh VPĐK Tiểu Cần. Ảnh: Bé Phi

1 - Chi nhánh văn phòng VPĐKĐĐ Huyện Tiểu Cần

# HỘI THẢO GIẢI PHÁP, CÁCH TIẾP CẬN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH TỔNG THỂ KHAI THÁC, SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN VÙNG BỜ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

■ Nguyễn Thị Đoàn Diễm <sup>1</sup>

Được sự phân công của Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, đồng chí Nguyễn Thị Mỹ Hoa, Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Biển tham dự “Hội thảo về giải pháp, cách tiếp cận tổ chức lập Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045” theo Giấy mời số 20/GM-TCBHĐVN ngày 17/6/2020 của Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

Hội thảo được tổ chức vào ngày 26/6/2020 (01 ngày) tại huyện đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Cơ quan chủ trì Hội thảo: Tổng cục Biển và hải đảo Việt Nam; các cơ quan phối hợp: Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức - Chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu (ĐCKH) vùng Đồng bằng sông Cửu Long (GIZ/MCRP) và Chương trình Định cư con người Liên Hợp Quốc (UN-Habitat).

Tại Hội thảo, các đại biểu được nghe trình bày về các nội dung:

- Giới thiệu chung về các nội dung chính, cách tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.
- Kinh nghiệm của Đức về lập quy hoạch và một số đề xuất trong bối cảnh, thực tiễn ở Việt Nam.
- Sự tham gia và vai trò của các bên trong quy trình lập quy hoạch: Bộ, địa phương, tổ chức xã hội, nghề nghiệp và cộng đồng dân cư ven biển.
- Thành phần, chức năng, nhiệm vụ cơ chế tham gia, phối hợp trong quá trình lập quy hoạch.

Qua đó, các đại biểu cùng tham gia thảo luận các nội dung có liên quan như: cách tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch tại Việt Nam; quy trình lập quy hoạch; nhiệm vụ của các bên liên quan; giải pháp thúc đẩy sự tham gia của các bên.

Hội thảo này là bước khởi đầu quan trọng của quá trình xây dựng Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đây là khu vực có sự giao thoa giữa hệ sinh thái biển và đất liền, tập trung đông dân cư, với nhiều loại hình kinh tế và hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên đồng thời chịu nhiều tác động trực tiếp của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Chính vì vậy, sự tham gia của các bên liên quan, đặc biệt là chính quyền các địa phương có biển và người dân tại địa phương này là những nhân tố vô cùng quan trọng cho sự thành công của Quy hoạch vì sự phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.



<sup>1</sup> - Phòng Quản lý Tài nguyên và Biển

# HƯỚNG DẪN TRÌNH TỰ, THỦ TỤC NỘ TIỀN BẢO VỆ ĐẤT TRỒNG LÚA KHI CHUYỂN ĐỔI TỪ ĐẤT CHUYÊN TRỒNG LÚA NƯỚC SANG MỤC ĐÍCH PHI NÔNG NGHIỆP

■ **Võ Văn Tiền**<sup>1</sup>

**N**ghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/9/2019.

Trình tự, thủ tục nộ tiền bảo vệ đất trồng lúa khi chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp theo quy định tại khoản 3, Điều 1, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Cơ quan, tổ chức được nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Sở Tài chính (Văn phòng Sở) để nghị xác nhận số tiền nộ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị xác nhận số tiền phải nộp (Theo mẫu Phụ lục IV, ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ).

- Văn bản xác nhận diện tích chuyên trồng lúa nước phải nộ tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của Sở Tài nguyên và Môi trường; trong đó ghi rõ thông tin về vị trí đất của đất trồng lúa (vị trí 1, vị trí 2, vị trí 3).

2. Cá nhân, hộ gia đình được nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ đến Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện (nơi có đất chuyển mục đích sử dụng đất) để nghị xác nhận số tiền nộ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa. Hồ sơ gồm:



- Đơn đề nghị xác nhận số tiền phải nộp (Theo mẫu Phụ lục V, ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ).

- Văn bản xác nhận diện tích chuyên trồng lúa nước phải nộ tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện; trong đó ghi rõ thông tin về vị trí đất của đất trồng lúa (vị trí 1, vị trí 2, vị trí 3).

3. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời gian 03 ngày làm việc, Sở Tài chính, Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện hướng dẫn cho cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung, hoàn thiện và nộp lại hồ sơ.

4. Trong thời gian 05 ngày làm việc, Sở Tài chính, Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện căn

<sup>1</sup> - Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ Thành phố Trà Vinh

(Xem tiếp theo trang 2)





- Về yêu cầu cấp lại trang bổ sung Giấy chứng nhận:

Theo quy định tại Điều 16, Thông tư 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015:

Trường hợp Trang bổ sung của Giấy chứng nhận bị mất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất có nhu cầu cấp lại thì việc cấp lại Trang bổ sung thực hiện theo quy định tại Điều 77 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; Văn phòng đăng ký đất đai ghi "Trang bổ sung này thay thế cho Trang bổ sung số... (ghi số thứ tự của Trang bổ sung bị mất)" vào dòng đầu tiên của Trang bổ sung cấp lại.

"Điều 77. Cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng do bị mất

1. Hộ gia đình và cá nhân, cộng đồng dân cư phải khai báo với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất về việc bị mất Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm niêm yết thông báo mất Giấy chứng nhận tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, trường hợp mất giấy do thiên tai, hỏa hoạn.

Tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, tổ chức

nước ngoài, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải đăng tin mất Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương.

2. Sau 30 ngày, kể từ ngày niêm yết thông báo mất Giấy chứng nhận tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc kể từ ngày đăng tin lần đầu trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương đối với trường hợp của tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người bị mất Giấy chứng nhận nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận.

3. Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ; trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất đối với trường hợp chưa có bản đồ địa chính và chưa trích đo địa chính thửa đất; lập hồ sơ trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 37 Nghị định này ký quyết định hủy Giấy chứng nhận bị mất, đồng thời ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người được cấp hoặc gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để trao đối với trường hợp nộp hồ sơ tại cấp xã."

Như vậy, trình tự thủ, tục cấp lại trang bổ sung được chia thành 3 bước:

+ Bước 1: Thông báo và niêm yết việc mất trang bổ sung.

+ Bước 2: Nộp hồ sơ đề nghị cấp lại trang bổ sung, gồm có: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận và xác nhận của UBND cấp xã đã niêm yết thông tin việc mất trang bổ sung Giấy chứng nhận.

+ Bước 3: Kiểm tra hồ sơ, hủy trang bổ sung bị mất, cấp lại và trao người sử dụng đất trang bổ sung mới.

(Nguồn; Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014, Thông tư 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

**PHỔ BIẾN NGHỊ QUYẾT SỐ 107/2020/QH14 NGÀY 10/6/2020 CỦA QUỐC HỘI VỀ KÉO DÀI THỜI HẠN MIỄN THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP ĐƯỢC QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 55/2010/QH12 NGÀY 24 THÁNG 11 NĂM 2010 CỦA QUỐC HỘI VỀ MIỄN, GIẢM THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 28/2016/QH14 NGÀY 11/11/2016 CỦA QUỐC HỘI**

■ **Đinh Thị Nhanh**<sup>1</sup>

**T**heo Nghị quyết số 107/2020/QH14 về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp vừa được Quốc hội khóa XIV, thông qua tại kỳ họp thứ 9 ngày 10/6/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021, thì:

Tiếp tục kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đến hết ngày 31/12/2025.

Hiện hành, thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp là đến 31/12/2020 theo Nghị quyết 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 (được sửa đổi bởi Nghị quyết 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016), nay Quốc hội đã cho phép kéo dài thêm 05 năm nữa đến 2025.

Đối tượng được hưởng theo quy định này gồm có như:

- Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên

cứu, sản xuất thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối.

- Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ nghèo.

- Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp cho các đối tượng sau đây:

+ Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển quyền sử dụng đất;

+ Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền sử dụng đất nông nghiệp của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật hợp tác xã.../.



<sup>1</sup> - Đơn vị; Văn Phòng Sở

# GIỚI THIỆU PHƯƠNG PHÁP SỐ HÓA, CHỒNG GHÉP BẢN ĐỒ GIẤY, NÂNG CAO ĐỘ TIN CẬY TRONG CUNG CẤP THÔNG TIN CHO VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH

■ Nguyễn Hoàng Nhân <sup>1</sup>

## 1. Giới thiệu phương pháp

Như đã biết, cơ sở dữ liệu địa chính giữ vai trò quan trọng trong việc quản lý nhà nước về đất đai. Một trong những dữ liệu địa chính quan trọng phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai là bản đồ địa chính. Theo thời gian hình thành và sử dụng bản đồ địa chính có nhiều tư liệu khác nhau như: bản đồ địa chính tư liệu 1983, 1992, 1995, 1996, 2002, 2006... Một số trong số đó chỉ được lưu trữ dưới dạng giấy chưa được số hóa. Nhu cầu thực tế nhiều lúc cần chồng ghép các tư liệu lại với nhau để phục vụ cho việc cung cấp thông tin, căn cứ cho việc đưa ra các quyết định như cung cấp thông tin cho các ban ngành như Tòa án, Thanh tra và cơ quan thi hành án...

Trước đây, việc chồng ghép thường thực hiện thủ công bằng cách áp các mảnh bản đồ giấy ở các tư liệu lên nhau dưới ánh đèn điện để đối chiếu. Tuy nhiên phương pháp này chỉ có độ chính xác cao đối với các bản đồ có tỷ lệ lớn như: 1/500, 1/1000 còn đối với các tờ bản đồ có tỷ lệ nhỏ hơn như: 1/2000, 1/5000 các thửa đất có hình thể nhỏ việc chồng ghép thủ công chưa mang lại độ chính xác cao. Việc số hóa bản đồ để chồng ghép trực tiếp trên máy tính sẽ mang lại độ chính xác cũng như độ tin cậy cao hơn, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin được chính xác hơn từ đó giúp cho các sản phẩm làm ra đảm bảo chất lượng và mang độ tin cậy cao.

## 2. Mô tả các bước tiến hành

Để thực hiện số hóa bản đồ máy tính cần cài đặt máy scan và các phần mềm như Microstation, phần mềm đọc file pdf – Foxit Phantom PDF...

Sau đây là các bước thực hiện việc số hóa bản đồ:

Bước 1: Nhận diện khu vực có thửa đất cần chồng ghép ở bản đồ giấy.

Việc nhận diện khu vực có thửa đất cần số hóa có thể căn cứ vào các địa hình, địa vật xung quanh như sông ngòi, kênh rạch, đường xá, ao hồ, đầm phá tự nhiên ít thay đổi để làm mốc xác định vị trí thửa đất.

Bước 2: Phô tô khu vực có thửa đất cần số hóa ra tờ A4 (210mm x 297 mm)

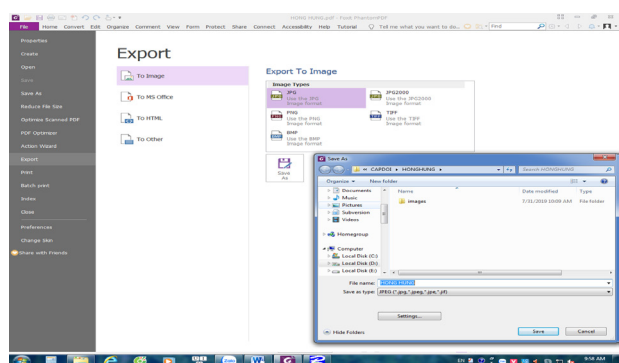
Việc phô tô cần đảm bảo đúng tỷ lệ gốc trên bản đồ, không làm thay đổi kích thước các thửa đất. Khu vực có thửa đất cần số hóa cần nằm ở trung tâm của tờ A4, có như vậy việc số hóa mới đảm bảo được độ chính xác.

Bước 3: Quét khu vực bản đồ cần số hóa trên máy scan.

Máy scan sẽ quét và định dạng file dưới dạng x.pdf.

Bước 4: Chuyển file dạng x.pdf sang file dạng ảnh

Mở file x.bdf cần chuyển bằng phần mềm Foxit Phantom PDF để chuyển đổi file x.pdf sang dạng file ảnh thông qua câu lệnh:



*Thao tác chuyển đổi từ file pdf sang file ảnh.*

<sup>1</sup> - Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ Huyện Trà Cú

File - Export - To image - Save as.

Sau đó lưu file với tên cần đặt.

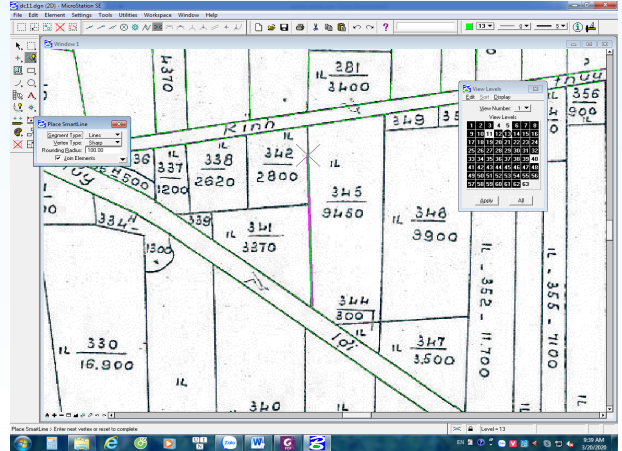
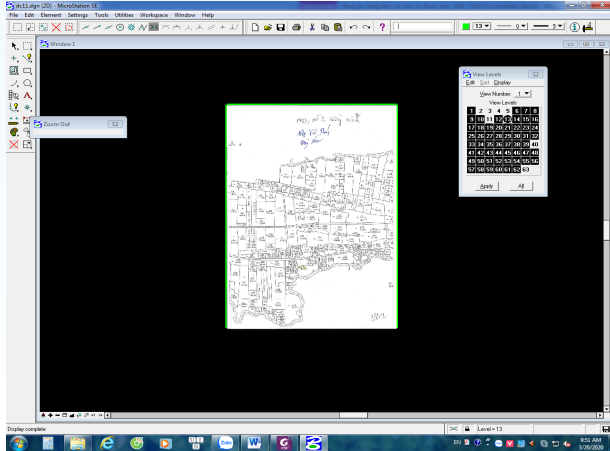
Bước 5: Tiến hành số hóa

Mở tờ bản đồ số cần chồng ghép và đưa file ảnh vào để số hóa bằng câu lệnh:

File - Import - Image trong phần mềm Microstation.

Tuy nhiên, trước khi đưa file ảnh vào ta cần tạo một khung để chứa ảnh với kích thước (210 m x 297 m), kích thước này đúng bằng 1000 lần kích thước tờ A4.

Kéo chuột và thả ảnh vào khung trên, sau đó tiến hành số hóa bằng công cụ line trên thanh công cụ của phần mềm Microstation.



*Các thao tác khi thực hiện số hóa bản đồ.*

Bước 6: Áp bản đồ đã số hóa lên bản đồ nền cần chồng ghép, đối chiếu.

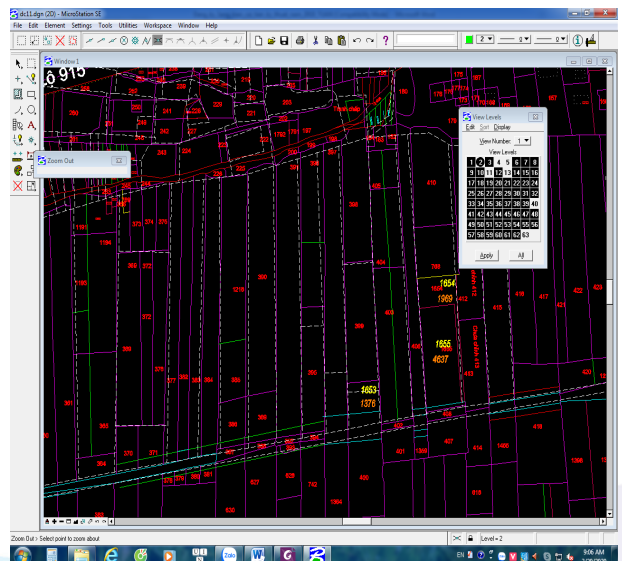
Dùng lệnh di chuyển (Move) trên thanh công cụ của phần mềm Microstation để dời bản đồ đã số hóa vào vùng bản đồ tương ứng trên bản đồ nền.

Đối với bản đồ nền có tỷ lệ 1/5000 thì cần phóng to bản đồ đã số hóa lên 5 lần để hai mảnh, tờ bản đồ có cùng tỷ lệ với nhau. Sau đó, dựa vào các địa hình, địa vật để xoay, nắm bản đồ đã số hóa sao cho ranh các thửa đất tương ứng ở hai tư liệu chồng khít lên nhau càng nhiều càng tốt.

Ngoài ra, bằng phương pháp này chúng ta cũng có thể chồng ghép nhiều tờ, nhiều mảnh bản đồ ở nhiều tư liệu khác nhau.

**3. Tính hiệu quả của phương pháp.**

Như vậy, việc số hóa bản đồ để chồng ghép trực tiếp trên máy tính sẽ mang lại độ chính xác cũng như độ tin cậy cao hơn, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin được chính xác hơn từ đó giúp cho các sản phẩm làm ra đảm bảo chất lượng và mang độ tin cậy cao.



*Ảnh một khu vực trên bản đồ tại xã Đại An sau khi đã số hóa, chồng ghép hai tư liệu 1983 và 1995.*

# QUY CHẾ QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG QUỸ ĐẤT CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH

■ Nguyễn Văn Trai<sup>1</sup>

## Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã).
2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện).
3. Các sở, ban, ngành, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan.

## Quỹ đất công nêu trong quy chế bao gồm các loại đất sau:

1. Đất sử dụng vào mục đích công trình công cộng gồm: Đất công trình đường giao thông, cầu, cống, vỉa hè; hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước; hệ thống công trình thủy lợi, đê, đập; quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm; đất xây dựng các công trình công cộng khác; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa; đất sông, kênh, rạch; đất rừng phòng hộ.
2. Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp gồm: Đất trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; đất xây dựng các công trình sự nghiệp thuộc các ngành và lĩnh vực về kinh tế, văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, ngoại giao và các công trình sự nghiệp khác.
3. Quỹ đất nông nghiệp, phi nông nghiệp chưa giao, cho thuê do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý (gọi tắt là đất công ích).
4. Đất đã bồi thường: Cơ quan nhà nước đã nhận chuyển nhượng, đã bồi thường, giải phóng mặt bằng đang chờ để chuẩn bị đầu tư xây dựng các công trình công cộng, trụ sở cơ quan hoặc kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; các phần đất còn lại của thửa đất sau thu hồi không đủ điều kiện để tiếp tục sử dụng (sau đây gọi là đất bìa chéo) đã được bồi thường theo đề nghị của chủ sử dụng đất nhưng nằm ngoài ranh giới của dự án, công trình.
5. Đất thu hồi theo quy định tại Khoản 1, Điều 64 và các Điểm a, b, c và d Khoản 1, Điều 65 của Luật Đất đai ngày 29/11/2013; đất do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trả lại đất để Nhà nước xây dựng các công trình phục vụ lợi ích công cộng.
6. Đất dôi dư chưa được Nhà nước thu hồi: Do không còn nhu cầu sử dụng hoặc sắp xếp lại dôi dư gồm đất trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, đất thể dục thể thao, đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp, đất công trình công cộng, đất chuyên dùng khác.
7. Đất bãi bồi ven sông, ven biển bao gồm đất bãi bồi ven sông, đất cù lao trên sông, đất bãi bồi ven biển và đất cù lao trên biển.
8. Đất chưa sử dụng: Gồm các loại đất chưa xác định mục đích sử dụng theo quy định của Luật Đất đai ngày 29/11/2013.

## Trách nhiệm của Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cơ sở tôn giáo sử dụng đất thuộc trường hợp được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất, cho thuê đất và công nhận quyền sử dụng đất

1. Trường hợp đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất, cho thuê đất và công nhận quyền sử dụng đất
  - a) Sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới thửa đất và tuân theo các quy định khác của pháp luật có liên quan.
  - b) Trường hợp được giao đất, cho thuê đất để làm chủ đầu tư, ngay khi bàn giao công trình, dự án cho tổ chức, đơn vị khác sử dụng thì phải báo cáo

1 - Đơn vị Chi Cục Quản lý Đất đai

Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) quá trình sử dụng đất, đồng thời trả lại đất đã được giao đất, cho thuê để Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi theo quy định.

2. Liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kê khai đăng ký đất đai; làm đầy đủ thủ tục xin giao đất, thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với trường hợp chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất, cho thuê đất và công nhận quyền sử dụng đất.

### **Người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng đất, đất được giao để quản lý**

1. Người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng đất:

a) Người đứng đầu của cơ quan, đơn vị, tổ chức được nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất để sử dụng.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đối với việc sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích; đất phi nông nghiệp đã giao cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) để sử dụng vào mục đích xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân, các công trình công cộng phục vụ hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí, chợ, nghĩa trang, nghĩa địa và công trình công cộng khác của địa phương.

c) Người đại diện cho cộng đồng dân cư là trưởng khóm, ấp, tổ dân phố hoặc người được cộng đồng dân cư thỏa thuận cử ra đối với việc sử dụng đất đã giao, công nhận cho cộng đồng dân cư.

d) Người đứng đầu cơ sở tôn giáo đối với việc sử dụng đất đã giao cho cơ sở tôn giáo.

đ) Chủ hộ gia đình đối với việc sử dụng đất của hộ gia đình.

e) Cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đối với việc sử dụng đất của mình.

f) Người có chung quyền sử dụng đất hoặc người đại diện cho nhóm người có chung quyền sử dụng đất đối với việc sử dụng đất đó.

2. Người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với đất được giao để quản lý:

a) Tổ chức được giao quản lý công trình công

cộng, gồm công trình đường giao thông, cầu, cống, vỉa hè, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống công trình thủy lợi, đê, đập; quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm;

b) Tổ chức được giao quản lý đất có mặt nước của các sông và đất có mặt nước chuyên dùng;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã, Trung tâm phát triển quỹ đất được giao quản lý quỹ đất đã thu hồi theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm đối với việc quản lý đất sử dụng vào mục đích công cộng được giao để quản lý, đất chưa giao, đất chưa cho thuê tại địa phương.

đ) Người đại diện cho cộng đồng dân cư là người chịu trách nhiệm đối với đất được giao cho cộng đồng dân cư quản lý.

### **Đăng ký đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý**

1. Người đang quản lý đất công theo quy định tại Điều 3 Quy chế này mà chưa đăng ký có trách nhiệm lập hồ sơ đăng ký đất đai. Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai hướng dẫn thủ tục và kiểm tra hiện trạng sử dụng đất; cập nhật thông tin vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

2. Trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất để quản lý thì Văn phòng đăng ký đất đai căn cứ vào quyết định giao đất quản lý để cập nhật thông tin vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

### **Các vi phạm, nghiêm cấm trong quản lý đất công**

1. Những hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 12 Luật Đất đai ngày 29/11/2013.

2. Tự ý cho mượn, cho thuê, liên doanh, liên kết, chuyển mục đích sử dụng đất và sử dụng quỹ đất công trái quy định của pháp luật.

3. Cố ý xác nhận sai nguồn gốc đất thuộc quỹ đất công, nhằm hợp thức hóa giao đất cho các đối tượng khác; cho thuê quỹ đất công không đúng quy định của pháp luật về đất đai.

4. Hoán đổi quỹ đất công cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

5. Tự ý xây dựng công trình, nhà ở, lán trại trên quỹ đất công ích.

6. Lập nghĩa trang, nghĩa địa trái với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

7. Giao đất, cho thuê quỹ đất công không đúng thẩm quyền và không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

8. Không được tiến hành thực hiện dự án và xây dựng các công trình trên quỹ đất công khi chưa được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất. Trừ trường hợp được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản để xây dựng các công trình, dự án trọng điểm, cấp bách, thực hiện đầu tư xây dựng đảm bảo theo đúng tiến độ, sau đó tiến hành các thủ tục theo quy định.

9. Cơ quan, đơn vị, tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng hoặc để quản lý nhưng thiếu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng đất để bị lấn, chiếm nhưng chưa xử lý, để kéo dài hoặc báo cáo không kịp thời.

### **Quản lý đất công trình công cộng; đất công ích; đất chưa sử dụng**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường; các phòng, cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện rà soát, đo đạc trên thực địa và hồ sơ địa chính để lập danh mục về vị trí, diện tích, loại đất, tình trạng sử dụng các loại đất bao gồm: Đất công trình công cộng; đất công ích; đất chưa sử dụng nêu tại Điều 3 Quy chế này làm cơ sở quản lý chặt chẽ.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý hồ sơ liên quan đến đất công thuộc phạm vi quản lý và kê khai đăng ký đầy đủ các khu đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quy chế này. Khi thay đổi chức danh Chủ tịch UBND cấp xã hoặc công chức địa chính cấp xã, phải lập thủ tục bàn giao hồ sơ quỹ đất công từ người cũ sang người mới bằng văn bản.

3. Hồ sơ địa chính phải được cập nhật đầy đủ thông tin đối với các khu đất này. Khi có biến động về sử dụng đất thì Văn phòng đăng ký đất đai và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Công chức địa chính cấp xã phải cập nhật kịp thời vào hồ sơ địa chính, gửi thông báo biến động và kê khai đăng ký theo quy định.

4. Đối với các khu vực chưa có hồ sơ địa chính hoặc có nhưng không đầy đủ để cập nhật, quản lý đất công, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách

nhiệm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc, Phòng Tài nguyên và Môi trường thiết lập làm cơ sở để cấp xã quản lý.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức cắm mốc quản lý đất công trên địa bàn; tổng hợp danh mục quỹ đất công của Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý, sử dụng và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, quản lý. Đồng thời, liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục giao đất để quản lý hoặc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

### **Quản lý đất bãi bồi ven sông, ven biển**

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc xác định, cắm mốc, phân ranh giới giữa đất bãi bồi ven sông, ven biển với các loại đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để tránh tình trạng tranh chấp, lấn chiếm và giao Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm quản lý ranh giới, mốc giới đã được xác định; lập, lưu trữ hồ sơ quản lý và xử lý vi phạm đối với các trường hợp bao chiếm sử dụng.

2. Đất bãi bồi ven sông, ven biển phải kê khai, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính để xác lập quyền quản lý của Nhà nước như sau:

a) Đất bãi bồi ven sông, ven biển chưa sử dụng thuộc địa phận xã, phường, thị trấn nào thì do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất quản lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 141 Luật Đất đai ngày 29/11/2013, đồng thời có trách nhiệm rà soát, lập danh sách và hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về tình hình quản lý, khai thác quỹ đất chưa sử dụng quy định tại Khoản 2 Điều 58 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

b) Đối với các địa phương mà quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa thể hiện nội dung sử dụng đất bãi bồi ven sông, ven biển thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức việc rà soát để điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/8/2014 của Chính phủ.

c) Đất bãi bồi ven sông, ven biển thường xuyên được bồi tụ hoặc thường bị sạt lở thì Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý và bảo vệ. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm điều tra, khảo

sát, theo dõi đánh giá quỹ đất bãi bồi ven sông, ven biển thường xuyên được bồi tụ hoặc sụt lở để có kế hoạch sử dụng phù hợp.

### **Quản lý, sử dụng đất dôi dư, đất đã thu hồi**

1. Thủ trưởng cơ quan hoặc chủ đầu tư dự án đang quản lý quỹ đất dôi dư, đất không còn nhu cầu sử dụng, đất đã bồi thường xong mà chưa sử dụng, đất bìa chéo đã được bồi thường, phải có trách nhiệm báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi đất và giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Trung tâm Phát triển quỹ đất hoặc Ban Quản lý khu kinh tế quản lý theo quy định.

Đơn vị đang quản lý đất theo quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm phối hợp với đơn vị liên quan cắm mốc quản lý chặt chẽ quỹ đất đến khi có quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cơ quan Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và đề xuất giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã; Trung tâm Phát triển quỹ đất hoặc Ban Quản lý khu kinh tế quản lý.

4. Đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm quản lý chặt chẽ quỹ đất được giao và đề xuất phương án sử dụng đất hoặc phương án khai thác hợp lý, hiệu quả; tránh để lãng phí đất đai:

a) Trung tâm Phát triển quỹ đất khi được giao đất theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì lập phương án khai thác có hiệu quả hoặc tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định hiện hành.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã được giao đất đã bồi thường nhưng chưa sử dụng hoặc quỹ đất bìa chéo đã được bồi thường theo đề nghị của chủ sử dụng đất phải quản lý chặt chẽ tránh bị lấn, chiếm sau này.

c) Ban Quản lý khu kinh tế quản lý quỹ đất theo Khoản 1 Điều này, trong trường hợp quỹ đất nằm trong khu chức năng thuộc khu kinh tế Định An có trách nhiệm quản lý chặt chẽ và lập phương án kêu gọi đầu tư hoặc đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

### **Nguyên tắc khai thác và sử dụng quỹ đất công**

1. Có kế hoạch hoặc phương án khai thác sử dụng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất hàng

năm cấp huyện đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với khu vực có đất mới hình thành, nền đất phải ổn định, không có nguy cơ bị sụt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng thiên tai, đe dọa tính mạng con người.

3. Ủy ban nhân dân các cấp có kế hoạch đầu tư, khai hoang, phục hóa, cải tạo đất để đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.

4. Khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư để đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

5. Thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất, cho thuê đất theo quy định.

6. Xử lý dứt điểm tình trạng lấn chiếm, tranh chấp trước khi giao đất cho các đối tượng khai thác, sử dụng.

### **Đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất, cho thuê đất**

1. Sau khi Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo đơn vị đang quản lý đất công trên địa bàn (các cơ quan, đơn vị trực thuộc, Ủy ban nhân dân cấp xã) theo quy định tại Điều 3 Quy chế này lập Phương án đấu giá quyền sử dụng đất trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt; Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất và phê duyệt các quyết định có liên quan theo quy định.

Trường hợp giá đất khởi điểm để đưa ra đấu giá có giá trị dưới 20 tỷ (theo bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành) hoặc người trúng đấu giá quyền sử dụng đất là tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện tập hợp hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh để phê duyệt.

2. Sau khi Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được phê duyệt và đề xuất việc đấu giá của đơn vị đang quản lý đất công (các đơn vị thuộc Sở, ngành tỉnh và Tổ chức phát triển quỹ đất); Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất lập Phương án đấu giá quyền sử dụng đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

3. Trình tự thủ tục thực hiện theo Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của liên Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tư

pháp quy định về tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.

### **Tạm khai thác quỹ đất công**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã, Trung tâm Phát triển quỹ đất, Ban Quản lý khu kinh tế được tạm khai thác sử dụng quỹ đất công do mình trực tiếp quản lý trong thời gian ngắn hạn (không quá 01 năm) với hình thức cho thuê khi chưa có kế hoạch hoặc phương án khai thác sử dụng quỹ đất công được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã, Trung tâm Phát triển quỹ đất, Ban Quản lý khu kinh tế lập phương án tạm khai thác quỹ đất công theo quy định tại Khoản 1 Điều này trình Ủy ban nhân dân cùng phê duyệt trước khi thực hiện.

3. Kinh phí thu được từ khai thác quỹ đất công được nộp vào ngân sách theo quy định.

### **Sử dụng quỹ đất công trình công cộng, đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp**

1. Đất công trình công cộng, đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp phải sử dụng đúng mục đích, ranh giới theo quyết định của Cơ quan có thẩm quyền hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gọi là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Việc sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch chuyên ngành đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm quản lý, sử dụng

đúng diện tích, ranh giới, mục đích đất đã được giao, được cho thuê.

### **Sử dụng đất bãi bồi ven sông, ven biển; đất sông, kênh, rạch**

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất bãi bồi ven sông, ven biển; đất sông, kênh, rạch do tự khai hoang mà chưa được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thì phải làm thủ tục để cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét theo quy định.

2. Đất bãi bồi ven sông, ven biển; đất sông, kênh, rạch mới được bồi đắp tiếp giáp với đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để kiểm tra xác định ranh giới, mốc giới, quản lý phần đất bồi đắp tránh bị lấn chiếm.

### **Sử dụng quỹ đất thu hồi**

1. Đối với quỹ đất thu hồi theo quy định tại Khoản 1, Điều 64 và các Điểm a, b, c, d, Khoản 1, Điều 65 của Luật Đất đai năm 2013 thuộc khu vực nông thôn đã giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập phương án sử dụng đất báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định. Quỹ đất này được giao, cho thuê đối với hộ gia đình, cá nhân không có đất hoặc thiếu đất sản xuất theo quy định của pháp luật.

2. Đối với quỹ đất thu hồi theo quy định tại Khoản 1, Điều 64 và các Điểm a, b, c, d, Khoản 1, Điều 65 của Luật Đất đai năm 2013 giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý, lập phương án khai thác trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.



**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG ĐIỀU 1 NGHỊ QUYẾT SỐ 97/2019/NQ-HĐND NGÀY 10/12/2019 CỦA HĐND TỈNH TRÀ VINH VỀ VIỆC THÔNG QUA BẢNG GIÁ ĐẤT 05 NĂM (2020-2024) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH**

■ **Thạch Thị Loan**<sup>1</sup>

Bảng giá đất 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh thông qua tại Nghị quyết số 97/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019.

Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng, thực hiện nhiệm vụ có liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường phát hiện có một số tên đường, loại đường, đoạn đường chưa thống nhất với các văn bản của cơ quan có thẩm quyền và thực tế hiện trạng nên gặp vướng mắc trong áp dụng cụ thể.

Để đảm bảo cơ sở pháp lý theo quy định, Sở

Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp các Sở, ban ngành và địa phương rà soát, kiểm tra để điều chỉnh, bổ sung một số tuyến một số tuyến (đoạn) đường tại các Phụ lục kèm theo Bảng giá đất 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; tổ chức lấy ý kiến Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các Sở, ban, ngành có liên quan; đồng thời đã đăng tải cổng thông tin điện tử tỉnh để lấy ý kiến rộng rãi đến tổ chức, nhân dân trên địa bàn tỉnh đúng theo quy định và đã báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua tại kỳ họp thứ 16, sửa đổi, bổ sung 15 đoạn, tuyến đường tại 06 huyện, thị xã: Trà Cú, Cầu Ngang, Cầu Kè, Càng Long, Châu Thành và thị xã Duyên Hải).

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH KHÁC TRONG NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH**

Do nhu cầu phát triển, kêu gọi đầu tư và nguồn vốn đầu tư của tỉnh, một số công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh tại Nghị quyết số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh có thay đổi về quy mô, diện tích và cần bổ sung một số công trình, dự án phát sinh cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2020;

Ngày 12/6/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 302/TTr-STNMT trình UBND tỉnh về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác năm 2020 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường có báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua tổng số Tổng số 26 công trình, dự án, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2020: Tổng số 12 công trình, dự án với quy mô diện tích 17,33 ha, trong đó diện tích đất trồng lúa là 5,52 ha; tổng nhu cầu vốn GPMB là 58.771 triệu đồng (không bao gồm các dự án sử dụng nguồn vốn của doanh nghiệp), trong đó:

a) Bổ sung mới: 08 công trình, dự án với quy mô diện tích 11,36ha, trong đó diện tích đất trồng lúa là 5,47ha; tổng nhu cầu vốn GPMB là 28.724 triệu đồng.

b) Đăng ký điều chỉnh: 04 công trình, dự án với quy mô diện tích 6,57ha, trong đó diện tích đất trồng lúa là 0,05ha; tổng nhu cầu vốn GPMB là 30.047 triệu đồng.

2. Danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác đã được thông qua tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh từ năm 2018 đến 2019 chuyển sang thực hiện trong năm 2020 (thuộc trường hợp trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích đất trồng lúa theo Điểm a Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai): Tổng số 09 công trình, dự án với quy mô diện tích 369,21ha, trong đó diện tích đất trồng lúa là 310,46ha; tổng nhu cầu vốn GPMB là 1.136.806 triệu đồng (không bao gồm các dự án sử dụng nguồn vốn của doanh nghiệp).

3. Bổ sung công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2020 không thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai nhưng thuộc Điểm b, Khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013: Tổng số có 05 công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 13,35 ha.

1 - Đơn vị Chi Cục Quản lý Đất đai

# THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN THÁNG 07 NĂM 2020 TỈNH TRÀ VINH

■ Nguyễn Thị Đoàn Diễm <sup>1</sup>

## A. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN THÁNG 6 NĂM 2020

### I. Khí tượng:

#### 1. Diễn biến tình hình thời tiết trong tỉnh:

Tháng 06/2020 thời tiết của tỉnh phổ biến: mây thay đổi đến nhiều mây, có mưa rào và dông rải rác, có nơi mưa vừa mưa to đến rất to, mưa tập trung vào buổi trưa và chiều, ngày nắng gián đoạn. Lượng mưa các nơi phổ biến từ: 125.0-345.2mm.

Tuần đầu: có mưa rào và dông rải rác. Riêng ngày 2,3,4/6 có mưa rào và dông nhiều nơi, có nơi mưa vừa, mưa to.

Tuần giữa: có mưa rào và dông rải rác. Riêng ngày 13-16/6: có mưa rào và dông nhiều nơi, có nơi mưa vừa mưa to.

Tuần cuối: 6 ngày đầu tuần có mưa rào và dông rải rác, có nơi mưa vừa mưa to đến rất to; các ngày sau: có mưa rào và dông nhiều nơi, có nơi mưa vừa mưa to.

Gió mạnh nhất hướng tây nam 6m/s, cấp 4 (ngày 13/6).

#### 2. Nhiệt độ tại Trạm Khí tượng Càng Long:

Tương đương năm 2019.

- Trung bình : 29,70C tương đương cùng kỳ năm trước.

- Cao nhất : 35,90C cao hơn cùng kỳ năm trước 1,00C (ngày 01/6).

- Thấp nhất : 24,00C cao hơn cùng kỳ năm trước 0,40C (ngày 01,02/6).

#### 3. Lượng mưa và độ ẩm:

Cao hơn năm 2019.

- Lượng mưa:

+ Nơi có lượng mưa lớn nhất: 345,2 mm tại Châu Thành (12 ngày mưa).

+ Nơi có lượng mưa lớn nhất 24h: 89,4 mm tại Bến Giá (ngày 21/6).

+ Nơi có lượng mưa nhỏ nhất: 56,0 mm tại Đông Hải ( 13 ngày mưa).

- Độ ẩm:

Trung bình: 88%;

Thấp nhất: 49% (ngày 27/6).

#### 4. Số giờ nắng và lượng bốc hơi:

Xấp xỉ năm 2019.

Tổng số giờ nắng: 164 giờ; Tổng lượng bốc hơi: 45 mm.

### II. Thủy văn:

Trong tháng 6, mực nước trên các sông chính xuất hiện vào tuần đầu tháng ở mức thấp hơn báo động I từ: 20 - 30 cm.

#### 1. Mực nước cao nhất:

- Trên sông Cổ Chiên tại vàm Trà Vinh: 164 cm, ngày 05/6, cao hơn cùng kỳ năm trước: 07 cm.

- Trên sông Hậu tại thị trấn Cầu Quan: 153 cm, ngày 05/6, tương đương cùng kỳ năm trước.

#### 2. Mực nước thấp nhất:

Mực nước thấp nhất xuất hiện vào tuần đầu tháng ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm trước từ 05 - 10 cm.

- Trên sông Cổ Chiên tại vàm Trà Vinh: -158 cm, ngày 08/6.

- Trên sông Hậu tại thị trấn Cầu Quan: -169 cm, ngày 08/6.

#### 3. Độ mặn:

- Độ mặn cao nhất trên các sông chính trong tỉnh xuất hiện chủ yếu vào tuần giữa tháng ở mức cao hơn trung bình nhiều năm và năm 2016. Ranh mặn 4‰ lúc mặn cao nhất cách cửa sông:

1 - Đơn vị Phòng quản lý tài nguyên và biển

- + Trên sông Long Toàn toàn tuyến sông.
- + Trên sông Cổ Chiên cách 35km, đến xã Long Đức, thành phố Trà Vinh.
- + Sông Hậu cách 40 km đến Thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần.
- Rủi ro thiên tai do xâm nhập mặn ở mức cấp 1.
- Độ mặn cao nhất:
- + Trên sông Long Toàn tại Long Toàn đạt 20,1‰, ngày 06/6.
- + Trên sông Cổ Chiên tại Hưng Mỹ đạt: 9,8‰, ngày 19/6; Trà Vinh: 4,5‰, ngày 20/6.
- Trên sông Hậu tại Trà Kha: 10,7‰, ngày 02/6, Cầu Quan: 5,1‰, ngày 21/6.

**B. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH KTTV THÁNG 7 NĂM 2020**

**I. Khí tượng:**

**1. Tình hình chung:**

Trong tháng 07/2020 thời tiết của tỉnh chịu ảnh hưởng của rãnh thấp xích đạo vắt ngang qua khu vực. Trên cao áp cao cận nhiệt hoạt động ổn định. Gió Tây Nam có cường độ trung bình đến

mạnh. Trong tháng có khả năng xuất hiện 01 xoáy thuận nhiệt đới hoạt động trên khu vực biển Đông làm gió Tây Nam hoạt động mạnh trong tuần giữa tháng và xuất hiện 1 đợt mưa trên diện rộng vào giữa tháng.

Do vậy, thời tiết của tỉnh trong tháng phổ biến: có mưa rào và dông rải rác đến nhiều nơi, có nơi mưa vừa mưa to đến rất to. Cần để phòng xảy ra lốc xoáy, gió giật và sấm sét trong cơn dông.

Vùng biển từ Bà Rịa Vũng Tàu đến Cà Mau: có mưa rào và dông rải rác đến nhiều nơi, gió Tây Nam cấp 4 - 5, có lúc cấp 6, biển bình thường có lúc động trong cơn dông.

Vùng biển Cà Mau - Kiên Giang và Phú Quốc: có mưa rào và dông rải rác đến nhiều nơi, gió tây nam cấp 4 - 5, có lúc giật trên cấp 5, biển bình thường có lúc động nhẹ trong cơn dông.

Trên cả hai vùng biển cần để phòng lốc xoáy và gió giật mạnh trong cơn dông.

**2. Dự báo lượng mưa và nhiệt độ:**

Nhiệt độ ở mức xấp xỉ trung bình nhiều năm. Lượng mưa ở mức xấp xỉ trung bình nhiều năm.

KHU VỰC	Lượng mưa (mm)	Nhiệt độ		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Ven biển	250-300	27-29	33-35	24-26
Thành phố Trà Vinh, huyện Càng Long, huyện Tiểu Cần, huyện Châu Thành, huyện Cầu Kè	250-300	27-29	33-35	24-26

**II. Thủy văn:**

**1. Mực nước:**

Mực nước trên các sông chính trong tỉnh chịu ảnh hưởng chủ yếu của triều biển Đông, giá trị cao nhất xuất hiện vào tuần đầu tháng.

Bảng giá trị mực nước tại các sông chính trong tỉnh

Trạm	Hmax(cm)	Ngày	Hmin(cm)	Ngày
Trà Vinh	140	05,06/7	-170	05,06/7
Cầu Quan	145	05,06/7	-177	05,06/7

(Nguồn: Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Trà Vinh)

# UNESCO PHÁT ĐỘNG

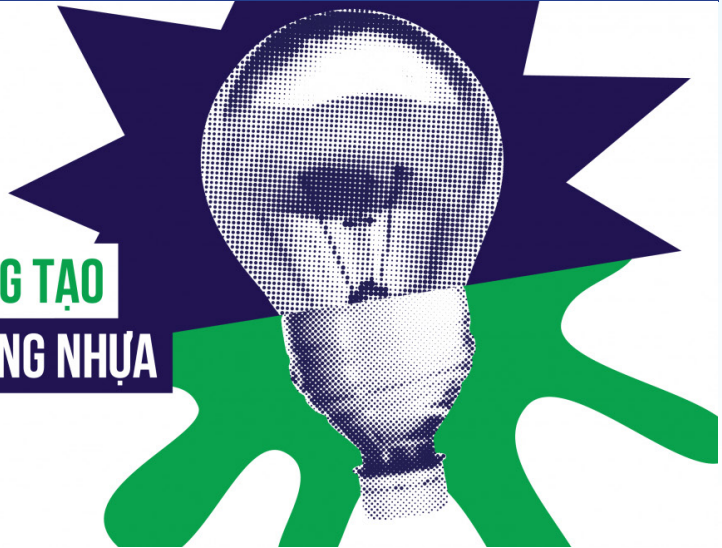


Sáng kiến Thanh niên  
Đổi mới sáng tạo vì  
Đại dương Xanh

## CHƯƠNG TRÌNH TÌM KIẾM Ý TƯỞNG SÁNG TẠO VÌ MỘT ĐẠI DƯƠNG KHÔNG NHỰA



KHU DỰ TRỮ SINH QUYỀN  
THẾ GIỚI CÙ LAO CHÀM - HỘI AN



■ Nguyễn Vũ Sơn <sup>1</sup>

Với mong muốn thúc đẩy vai trò của thanh niên trong kiến tạo những thay đổi quan trọng cho tương lai phát triển bền vững của Việt Nam, trong khuôn khổ Sáng kiến Thanh niên đổi mới sáng tạo vì Đại dương xanh, Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục Liên Hợp Quốc (UNESCO) cùng với Ủy ban Quốc gia Chương trình Con người và Sinh quyển Việt Nam, Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An chính thức phát động Chương trình Tìm kiếm Ý tưởng sáng tạo vì một Đại dương không nhựa.

Trên thế giới, 8 triệu tấn rác thải nhựa đổ ra đại dương mỗi năm. Hơn một nửa lượng rác thải nhựa từ đất liền bắt nguồn từ năm quốc gia ở Châu Á, trong đó có Việt Nam. Nếu không có những hành động cụ thể ngay bây giờ, dự báo đến năm 2050, biển của Việt Nam có thể sẽ chứa nhiều rác thải nhựa hơn cả cá.

Với ưu tiên chiến lược tại Việt Nam, UNESCO chính thức phát động Chương trình Tìm kiếm Ý tưởng sáng tạo vì một Đại dương không Nhựa nhằm hỗ trợ các nhóm thanh niên và nhà khoa học trẻ xây dựng và phát triển các giải pháp cho vấn đề về thu gom, phân loại, xử lý, tái chế, tái sử dụng... chất thải nhựa.

Tham gia chương trình, các bạn trẻ sẽ có cơ hội xây dựng ý tưởng, tranh tài, được đào tạo định hướng bởi các chuyên gia giàu kinh nghiệm, tham quan thực tế địa bàn triển khai ý tưởng, được hỗ trợ tài chính và kỹ thuật để triển khai các ý tưởng của mình tại Khu Dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An cũng như được tham gia Mạng lưới thanh niên và các nhà khoa học trẻ cùng các sự kiện liên quan cấp Khu vực và Quốc tế của UNESCO.

Chương trình sẽ lựa chọn và trao giải thưởng cho 03 đề xuất Xuất sắc nhất, mỗi giải lên đến 70 triệu đồng cho đề xuất ý tưởng và chi phí hỗ trợ triển khai thực tế và 03 giải Khuyến khích, mỗi giải trị giá 10 triệu đồng.

Chương trình mở rộng với thanh niên và các nhà khoa học trẻ trong độ tuổi từ 18 đến 30 trên toàn quốc. Các thí sinh có thể dự thi theo nhóm với số lượng không quá 5 người mỗi nhóm, ưu tiên các nhóm có ít nhất 1 nữ thanh niên.

Các bạn trẻ mong muốn tham gia chương trình điền đơn đăng ký và nộp đề xuất ý tưởng qua link <https://bit.ly/38lKe5s> trước ngày 25 tháng 08 năm 2020. Kết quả các nhóm được vào vòng trong sẽ được công bố vào giữa tháng 9 năm 2020 và khóa

<sup>1</sup> - Trung tâm CNTT Tài nguyên Môi trường



*Khu Dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm, Hội An.*

đào tạo định hướng tại Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An sẽ diễn ra cuối tháng 09 năm 2020. Vòng chung kết sẽ diễn ra tại Hà Nội vào tháng 11 năm 2020.

Chương trình tìm kiếm Ý tưởng sáng tạo vì một Đại dương không nhựa nằm trong khuôn khổ Sáng kiến “Thanh niên và Đổi mới sáng tạo vì Đại dương xanh” do UNESCO thực hiện. Sáng kiến được triển khai tại Khu dự trữ sinh quyển thế giới

Cù Lao Chàm - Hội An trong năm 2020 – 2021 với mục tiêu hỗ trợ các Khu dự trữ sinh quyển Thế giới ven biển giải quyết vấn đề rác thải nhựa thông qua trao cơ hội cho thanh niên và các nhà khoa học trẻ đưa ra các giải pháp sáng tạo và thực tế góp phần xây dựng nền kinh tế tuần hoàn và hướng tới sự phát triển bền vững của đại dương.

*Nguồn: Văn phòng UNESCO tại Việt Nam;*

## **HƯỚNG DẪN CÁC CÔNG TY/DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN KÊ KHAI, NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG** (Tiếp theo trang 22)

(i) và (iii)) hoặc cả 3 nguồn dữ liệu thì sử dụng nguồn dữ liệu (i). Trường hợp có 02 nguồn dữ liệu (ii) và (iii) thì sử dụng nguồn dữ liệu (ii).

- Đối với cơ sở thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định pháp luật: Việc kê khai, tính toán, thẩm định số phí phải nộp được xác định theo từng kỳ 24 giờ, trong đó: hàm lượng các thông số ô nhiễm tính phí và tổng lượng nước thải thải ra của cơ sở được tính theo giá trị trung bình ngày (24 giờ) của các kết quả đo. Trường hợp thông số ô nhiễm tính phí không thuộc các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục thì hàm lượng các thông số ô nhiễm theo số liệu quan trắc định kỳ.

- Trường hợp cơ sở có nhiều điểm xả nước thải, phí biến đổi của cơ sở là tổng số phí biến đổi được xác định tại mỗi điểm xả nước thải.

**6. Thẩm định Tờ khai và phát hành thông báo Thu phí:** Trên cơ sở Tờ khai của quý đơn vị, tổ chức thu phí tiến hành thẩm định Tờ khai phí bảo

vệ môi trường trong thời hạn 10 ngày làm việc tính từ ngày nhận được Tờ khai phí. Căn cứ thẩm định là số liệu kê khai của người nộp phí; kết quả đo đạc của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường hoặc kết quả kiểm tra, thanh tra gần nhất nhưng không quá 12 tháng tính đến thời điểm khai, nộp phí.

Trường hợp số phí bảo vệ môi trường phải nộp khác với số phí người nộp phí đã kê khai thì ra Thông báo nộp bổ sung hoặc điều chỉnh giảm số phí phải nộp vào kỳ nộp phí tiếp theo.

Trong quá trình thẩm định Tờ khai phí, cơ quan thu phí được tiến hành lấy mẫu, đánh giá, lấy mẫu, phân tích mẫu nước thải phục vụ cho việc thẩm định tờ khai phí, quản lý phí; kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất cơ sở thải nước thải công nghiệp (theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP)./.

*Nguồn: Công văn số 1514/STNMT-CCBVMT ngày 24/6/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường*

# HƯỚNG DẪN CÁC CÔNG TY/DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN KÊ KHAI, NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 53/2020/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

■ **Trần Thị Minh Tâm**<sup>1</sup>

**N**gày 05/5/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2020/NĐ-CP quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020 và thay thế Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016. Để đảm bảo việc kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp đúng theo quy định, ngày 24/6/2020 Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Công văn số 1514/STNMT-CCBVMT để hướng dẫn các công ty/doanh nghiệp một số nội dung như sau:

## 1. Về đối tượng chịu phí:

Sở đã đề nghị các Công ty/doanh nghiệp nghiên cứu, rà soát Khoản 2, Điều 2 Nghị định hướng dẫn rõ nước thải công nghiệp và nêu cụ thể 14 điểm (từ điểm a đến điểm o) để xác định đối tượng chịu phí đúng quy định.

## 2. Cách xác định đối tượng nộp phí, gồm có 02 đối tượng:

Cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm dưới 20 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) thì áp dụng phí cố định tính theo khối lượng nước thải (không áp dụng mức phí biến đổi); trường hợp cơ sở sản xuất, chế biến có tổng lượng nước thải trung bình trong năm từ 20 m<sup>3</sup>/ngày trở lên thì áp dụng phí biến đổi. Các đối tượng áp dụng phí cố định và phí biến đổi đều thực hiện kê khai theo mẫu số 02 ban

hành kèm theo Nghị định.

## 3. Thời điểm kê khai và nộp phí:

- Đối với cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm tính phí từ 20 m<sup>3</sup>/ngày trở lên: Hàng quý, chậm nhất là ngày 20 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo, và gửi về Tổ chức thu phí để được thẩm định và thông báo phí theo đúng quy định, người nộp phí có trách nhiệm nộp phí theo thông báo nộp phí và nộp trong thời gian 10 ngày kể từ khi có thông báo.

- Đối với cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm tính phí dưới 20 m<sup>3</sup>/ngày, người nộp phí thực hiện kê khai phí 01 lần với tổ chức thu phí khi mới bắt đầu hoạt động; thời gian kê khai chậm nhất là ngày 20 tháng liền sau tháng bắt đầu hoạt động. Nộp phí một lần cho cả năm theo Thông báo của Tổ chức thu phí, thời hạn nộp phí chậm nhất là ngày 31/3 hàng năm. Trường hợp cơ sở bắt đầu hoạt động sau ngày 31/3 hàng năm thực hiện nộp phí theo Thông báo của Tổ chức thu phí trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có Thông báo.

## 4. Về mức phí:

- Đối với đối tượng áp dụng phí cố định: Năm 2020, áp dụng mức phí 1.500.000 đồng/năm. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 trở đi, áp dụng theo Biểu sau:

Số TT	Lưu lượng nước thải bình quân (m <sup>3</sup> /ngày)	Mức phí (đồng/năm)
1	Từ 10 đến dưới 20	4.000.000
2	Từ 5 đến dưới 10	3.000.000
3	Dưới 5	2.500.000

- Đối với đối tượng áp dụng phí biến đổi: Phí tính theo công thức sau:  $F = f + C$ , Trong đó:

+ F là số phí phải nộp.

1 - Đơn vị Chi Cục Bảo vệ Môi trường

## THÔNG TIN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

+ f là mức phí cố định: 1.500.000 đồng/năm (kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 trở đi là 4.000.000 đồng/năm); trường hợp cơ sở bắt đầu hoạt động sau quý I, số phí phải nộp tính cho thời gian từ quý cơ sở bắt đầu hoạt động đến hết năm, mức phí cho 01 quý = f/4.

- C là phí biến đổi, tính theo: tổng lượng nước thải ra, hàm lượng thông số ô nhiễm của từng chất có trong nước thải và mức thu đối với mỗi chất theo Biểu dưới đây:

Số TT	Thông số ô nhiễm tính phí	Mức phí (đồng/kg)
1	Nhu cầu ô xy hóa học (COD)	2.000
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	2.400
3	Thủy ngân (Hg)	20.000.000
4	Chì (Pb)	1.000.000
5	Arsenic (As)	2.000.000
6	Cadimium (Cd)	2.000.000

- Thông số ô nhiễm (thuộc diện phải thực hiện đo đạc, kê khai và tính phí): được xác định căn cứ vào quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với nước thải hiện hành. Trường hợp nước thải của cơ sở chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng thì căn cứ vào thông số ô nhiễm có trong hồ sơ môi trường (hồ sơ đã được cơ quan quản lý nhà nước về môi trường phê duyệt, xác nhận).

- Lượng nước thải/ngày được xác định theo số liệu đo đạc thực tế hoặc kết quả thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

### 5. Xác định số phí phải nộp:

- Cơ sở có lượng nước thải trung bình trong năm tính phí dưới 20 m<sup>3</sup>/ngày: số phí phải nộp

$$\text{Số phí phải nộp (đồng)} = \text{Tổng lượng nước thải vào nguồn tiếp nhận (m<sup>3</sup>)} \times \text{Hàm lượng thông số ô nhiễm có trong nước thải (mg/l)} \times 0,001 \times \text{Mức thu phí của thông số ô nhiễm (đồng/kg)}$$

- Đối với cơ sở thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định pháp luật: Căn cứ xác định hàm lượng thông số ô nhiễm trong nước thải để kê khai, tính phí là số liệu quan trắc nước thải định kỳ 03 tháng/lần. Trường hợp cơ sở có tần suất quan trắc nước thải định kỳ là 06 tháng/lần, việc kê khai, tính phí của quý không thực hiện quan trắc căn cứ số liệu quan trắc của quý trước đó.

theo mục 4 nêu trên.

- Cơ sở có lượng nước thải trung bình trong năm tính phí từ 20 m<sup>3</sup>/ngày trở lên: số phí phải nộp hàng quý tính theo công thức sau:

$$F_q = (f/4) + C_q.$$

Trong đó:

+ F<sub>q</sub> là số phí phải nộp trong quý (đồng).

+ f là phí cố định theo quy định.

+ C<sub>q</sub> là số phí biến đổi (tổng số phí phải nộp của các thông số ô nhiễm có trong nước thải) phải nộp trong quý.

- Số phí biến đổi được tính cho từng thông số ô nhiễm theo công thức sau:

Tổng lượng nước thải được xác định căn cứ vào 1 trong 3 nguồn dữ liệu sau:

(i) Kết quả thực tế của đồng hồ, thiết bị đo lưu lượng;

(ii) Tính bằng 80% lượng nước sử dụng;

(iii) Thông tin có trong báo cáo giám sát môi trường định kỳ.

Trường hợp có 2 nguồn dữ liệu ((i) và (ii) hoặc

(Tiếp theo trang 20)

# CÔNG TÁC BẢO TRÌ, BẢO DƯỠNG HAI TRẠM QUAN TRẮC KHÔNG KHÍ TỰ ĐỘNG LIÊN TỤC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

■ Đoàn Thịnh <sup>1</sup>

**H**iện nay, tỉnh Trà Vinh đang tiến hành tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng được đẩy mạnh, khai thác tiềm năng, thu hút đầu tư trong đó phát triển mạnh ngành công nghiệp điện. Trong đó trọng điểm có Trung tâm điện lực Duyên Hải với tổng diện tích 878,91 ha, được xây dựng tại ấp Mù U, xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, cách trung tâm thành phố Trà Vinh khoảng 60km về hướng Đông Nam, với tổng vốn đầu tư hơn 5 tỷ USD.

Trung tâm điện lực Duyên Hải bao gồm Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 1 (công suất 1.245MW), Duyên Hải 2 (công suất 1.245MW), Duyên Hải 3 (công suất 1.245MW), Duyên Hải 3 mở rộng (công suất 688MW) và 01 cảng biển tiếp nhận tàu tải trọng 30.000 tấn, với tổng số 07 tổ máy và nhiên liệu hoạt động bằng than. Trung tâm đã góp phần vào quá trình phát triển kinh tế nói chung của tỉnh nhưng cũng gia tăng chất ô nhiễm phát thải vào các thành phần môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường tự nhiên và cuộc sống của người dân. Vì vậy, để kiểm soát chất lượng môi trường không khí xung quanh khu vực Trung tâm điện lực Duyên Hải kịp thời xử lý và cảnh báo khi phát hiện dấu hiệu bất thường, Sở Tài nguyên và Môi trường đã đầu tư 02 Trạm quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục được lắp đặt tại xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải và xã Đông Hải, huyện Duyên Hải và 01 Trung tâm điều hành đặt tại Sở Tài nguyên và Môi trường, đã đi vào hoạt động từ tháng 3/2019. Cụ thể vị trí 2 trạm như sau:

\* Trạm Dân Thành: Ấp Giồng Giếng, xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

- Trạm chính (hướng Bắc so với nhà máy Nhiệt điện): trong khuôn viên UBND xã Dân Thành (cách Nhà bia tường niệm khoảng 12m, nằm cặp hàng rào UBND xã), đất do UBND xã Dân Thành quản lý. Khoảng cách từ Trạm chính đến Nhà máy Nhiệt điện khoảng 1,9km; cách Trạm phụ khoảng 310 m.

- Trạm phụ (hướng Bắc so với nhà máy Nhiệt điện): trong khuôn viên trường Trung học cơ sở Dân Thành (phía sau dãy trường 02 tầng, cặp hàng rào trường học về hướng Tỉnh lộ 913), đất do trường Trung học cơ sở Dân Thành quản lý. Khoảng cách từ Trạm phụ đến Nhà máy Nhiệt điện

khoảng 1,9km; cách Trạm chính khoảng 310m.

\* Trạm Đông Hải: Ấp Cồn Cù, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

- Trạm chính (hướng Tây Nam so với nhà máy Nhiệt điện): Vị trí này nhằm giám sát chất lượng không khí đại diện cho khu vực làm muối, nuôi tôm, chợ và khu dân cư ấp Cồn Cù, xã Đông Hải. Cách trụ sở Ban nhân dân ấp Cồn Cù khoảng 50m về phía Đông; đất nghĩa địa do UBND xã Đông Hải quản lý. Khoảng cách từ Trạm chính đến Nhà máy Nhiệt điện khoảng 4,0 km; cách Trạm phụ khoảng 300 m.

- Trạm phụ (hướng Tây Nam so với nhà máy Nhiệt điện): cặp đường dân sinh (đường nhựa), phía trước nhà hộ Bà Lâm Thị Huệ; nằm trong phần đất nhà nước giải tỏa (đất do UBND xã Đông Hải quản lý). Khoảng cách từ Trạm phụ đến Nhà máy Nhiệt điện khoảng 4,3 km; cách Trạm chính khoảng 300 m

Trong năm 2020, Sở Tài nguyên và Môi trường đã giao cho Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường phối hợp nhà thầu cung cấp thiết bị thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị của 02 trạm quan trắc nhằm đảm bảo hoạt động của các thiết bị diễn ra xuyên suốt và ổn định trong việc truyền kết quả dữ liệu (thông số quan trắc môi trường) từ 02 trạm quan trắc về máy chủ tại Trung tâm điều hành; đảm bảo độ chính xác của thiết bị quan trắc. Đồng thời phục vụ cho việc cung cấp, theo dõi số liệu; công tác quản lý, giám sát chất lượng môi trường không khí xung quanh và đánh giá kết quả quan trắc môi trường nhằm kịp thời xử lý, cảnh báo khi phát hiện dấu hiệu bất thường.

Kết quả bảo trì, bảo dưỡng từ tháng 01 đến tháng 6 năm 2020: đã thực hiện 02 đợt bảo trì, bảo dưỡng qua đó đã kiểm tra, hiệu chuẩn các đầu đo, kiểm tra tín hiệu đường truyền dữ liệu, thay giấy lọc bụi, phát quang bụi rậm xung quanh trạm đảm bảo đường truyền ánh sáng không bị cản trở bởi cây cối xung quanh... Các sự cố như mất điện tại trạm phát sáng Dân Thành, không hiển thị kết quả thông số khí tượng, hệ phân tích AR500S tại Trạm Đông Hải đã được khắc phục, hiện các thiết bị tại 02 trạm hoạt động ổn định.

# KẾ HOẠCH TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG NĂM 2020

■ **Trần Thị Minh Tâm**<sup>1</sup>

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bí thư Tỉnh ủy; đồng thời nhằm tăng cường thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 28/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về hành động cải thiện cảnh quan, môi trường và Chỉ thị số 48-CT/TU ngày 05/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự chỉ đạo của đảng đối với công tác bảo vệ môi trường trong đô thị, khu dân cư, tiến tới chào mừng Đại hội tỉnh Đảng bộ; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về công tác bảo vệ môi trường; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành và tầng lớp nhân dân, đặc biệt là các công ty, doanh nghiệp trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường, góp phần tích cực xây dựng môi trường Xanh-Sạch-Đẹp, cũng như phát huy các kết quả đạt được từ các hoạt động tuyên truyền về bảo vệ môi trường những năm qua trên địa bàn tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Kế hoạch số 37/KH-STN-MT ngày 23/6/2020 về Kế hoạch truyền thông môi trường năm 2020, thời gian thực hiện trong Quý III năm 2020, với những nội dung cụ thể như sau:

1. Nội dung do Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước với tổng kinh phí thực hiện 444.361.065 đồng:

- Lắp đặt 17 pano tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, gồm: Lắp đặt 04 pano kích thước (cao 3m x ngang 5m) tại 04 cửa ngõ vào tỉnh Trà Vinh; 09 Pano (trong đó 08 pano 01 mặt và 01 pano 02 mặt) kích thước (cao 3m x ngang 4m) tại 09 cửa ngõ vào thành phố Trà Vinh và 04 pano kích thước (cao 2m x ngang 1,5m) tại đường vào Trung tâm thành phố Trà Vinh:

- Thực hiện lắp đặt 45 thùng rác công cộng tại quảng trường, công viên, nghĩa trang, nhà tưởng niệm tại Thị trấn Càng Long nhằm hỗ trợ địa phương trong việc thu gom rác thải, góp phần bảo đảm vệ mỹ quan và vệ sinh môi trường.

- In ấn, dán 100 khẩu hiệu tuyên truyền về

công tác bảo vệ môi trường tại các quán ăn trên địa bàn thành phố Trà Vinh.

2. Nội dung do UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước: Trên cơ sở nội dung, quy cách các Pano do Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai, UBND các huyện, thị xã, thành phố tùy theo tình hình thực tế và cân đối nguồn kinh phí cấp huyện được phân bổ, tổ chức lắp đặt các Pano theo số lượng phân bổ 20 Pano tuyên truyền.

3. Nội dung vận động Công ty, doanh nghiệp lắp đặt Panô tuyên truyền bảo vệ môi trường từ nguồn xã hội hóa, Sở Tài nguyên và Môi trường vận động các Công ty, doanh nghiệp nắm cập các tuyến Quốc lộ, tỉnh lộ cân đối và bố trí kinh phí của công ty, doanh nghiệp để thực hiện việc lắp đặt 30 pano tại trụ sở; các Sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố vận động các Công ty/doanh nghiệp; các Công ty, doanh nghiệp vận tải; Ban Quản lý Chợ, các trường học... thuộc thẩm quyền quản lý bố trí kinh phí lắp đặt panô tại bến phà, xe khách, bến đò ngang, các Chợ, trường học...

Các khẩu hiệu bao gồm:

- + Chúng ta cùng chung tay giữ cho Trà Vinh Xanh – sạch – đẹp;
- + Lấn chiếm lòng lề đường, là vi phạm pháp luật, là nếp sống thiếu văn minh;
- + Bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống của chính mình và vì tương lai của con em chúng ta;
- + Bỏ rác không đúng nơi quy định, là vi phạm pháp luật, là việc làm thiếu văn minh;
- + Hãy bỏ rác đúng nơi quy định;
- + Rác là nguồn gây ô nhiễm, hãy làm sạch rác ở mọi nơi;
- + Bảo vệ môi trường! vừa là trách nhiệm, vừa là nghĩa vụ của mỗi công dân “là văn minh, là lịch sự”/.

Nguồn: Kế hoạch số 37/KH-STNMT ngày 23/6/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường

1 - Đơn vị Chi Cục Bảo vệ Môi trường